

## NHỮNG NGHI LỄ CHÍNH TRONG ‘VÒNG ĐỜI’ CỦA NGƯỜI CAO LAN

PHÙ VÂN

Cao Lan - Sán Chỉ (Sán Chay) là tên của một dân tộc gồm hai nhóm Cao Lan và Sán Chỉ<sup>(1)</sup>. Tiếng nói của Cao Lan gần với tiếng Tày, thuộc ngôn ngữ Tày - Thái. Còn Sán Chỉ nói bằng một thổ ngữ ở Quảng Đông (Trung Quốc), thuộc ngôn ngữ Hán. Ở đây chúng tôi chỉ nói về *Những nghi lễ chính trong “vòng đời” của người Cao Lan*.

Đây là những nghi lễ đã có từ xa xưa. Giờ đây, đời sống của người Cao Lan đã thay đổi rất nhiều và những nghi lễ này cũng thay đổi. *“Ôn cố tri tân”*, có biết được cái cũ thì mới biết được cái mới ra sao và cái gì cần kế thừa, cái gì cần đổi mới. Đó chính là mục đích của bài viết này.

### I. Sinh đẻ

Phụ nữ Cao Lan khi mang thai vẫn phải tham gia lao động như những thành viên khác trong gia đình. Chỉ khi sắp sinh mới được nghỉ lao động trên nương rẫy (hoặc trên đồng ruộng), nhưng vẫn phải làm những công việc vặt trong nhà.

Trong khi mang thai, thai phụ phải kiêng: không được ăn đu đủ chín (sợ con bị cam sài), không được sờ vào quan tài (sợ đứa bé bột đen hoặc xương mềm không đi được...).

Khi họ sinh con thì nhờ mẹ chồng, chị dâu giúp đỡ hoặc sản phụ tự sinh và tự cắt rốn cho con. Phụ nữ Cao Lan cũng đẻ ngồi như phụ nữ Dao, nhưng phải ngồi tránh hướng *“tam sát”*<sup>(2)</sup>, bởi hướng này sẽ khó đẻ hoặc sau này đứa trẻ sẽ khó nuôi. Nếu trường hợp không xem được hướng thì lấy một cái váy treo phía trước mặt sản phụ

và cài một con dao lưỡi hướng ra phía trước cửa.

Vừa lọt lòng mẹ nếu đứa bé không khóc, người ta cầm chân nó dốc ngược lên hoặc xoa rượu khắp người để nó khóc. Đứa bé khóc rồi mới được cắt rốn bằng dao nứa. Sau đó đứa bé được tắm bằng nước lá *“dây nhựa vàng”* (?).

Nhau thai được cho vào ống tre (hoặc nứa) đem vào rừng mắc vào cành cây, nhưng phải là giống cây không chảy nhựa.

Sau khi sinh, sản phụ chỉ được ăn muối nướng, thịt gà nấu với nghệ hoặc thịt lợn, nhưng không được ăn thịt lợn nái. Sản phụ không được ăn rau cải (sau này hay đi tiểu vật), không ăn cá (sau này hay ngứa), không ăn mẻ và cá trê (sợ sa da con), không được dần sàng gạo (sợ bị chóng mặt), quần áo giặt buổi đầu tiên không được vắt nước (sợ bị đau quận bụng) và nhất thiết không được ăn thịt trâu bò.

Trong thời gian trong gia đình có người ở cũ không có dấu cấm cũ là không kiêng người lạ vào nhà. Nhưng thời gian này sản phụ không được vào nhà người khác, sợ ma nhà đó làm cho đau ốm.

Sau khi sinh được ba ngày, gia đình phải làm lễ báo gia tiên để các vị biết trong nhà đã có thêm một thành viên mới. Cỗ cúng gồm có: 2 con gà luộc, xôi, rượu, đèn, nhang...

Đứa bé đầy tháng mới làm lễ cúng Mụ. Khi cúng Mụ không được thắp đèn vì theo quan niệm của người Cao Lan, bà Mụ nhiều con quá nên quần áo lòi thối rách

rưới, thấp đèn sẽ sợ bà xấu hổ. Mâm cỗ cúng đặt trên bàn gần nơi đứa bé nằm.

Sau một tháng người ta mới làm lễ đặt tên cho đứa bé. Lễ gồm có: thịt lợn, xôi, rượu và cơm để cúng tổ tiên. Khi cúng phải thêm một mâm cỗ, trong mâm để một cuốn gia phả, bút, rượu, thịt lợn, cơm đặt cạnh bàn thờ. Khi đặt tên phải hỏi xem hai bên nội ngoại tên đó có trùng với ai không, nếu không mới được ghi vào gia phả. Sau khi đặt tên lại phải cúng báo tổ tiên biết tên đứa trẻ là gì.

Khi sinh đôi, nếu một nam một nữ, người ta phải làm lễ *tơ hồng*, nếu không làm như vậy thì không nuôi được cả đôi.

## II. Đám cưới

Người Cao Lan có nhiều họ khác nhau, mỗi họ lại có họ trùng tên. Những người cùng họ nhất thiết không được lấy nhau. Còn trường hợp trùng họ mà thờ cùng một thứ ma thì việc hôn nhân giữa đôi trai gái cũng không thành. Ngoài việc cấm kỵ như vậy còn phải xem số mệnh của đôi trai gái có hợp hay không, cuối cùng mới đến quyền quyết định của cha mẹ. Nhìn chung, rất ít trường hợp cha mẹ cưỡng hôn. Trước đây tuổi kết hôn thường từ 15 - 16 tuổi. Cũng như nhiều dân tộc khác, một đám cưới của người Cao Lan phải trải qua nhiều bước: dạm hỏi (đánh tiếng), lễ ăn hỏi, lễ giá bạc, lễ cưới (lễ *tơ hồng*).

- Lễ dạm hỏi: Thường là nam nữ thanh niên tìm hiểu nhau qua các buổi hát *sinh ca* hoặc trong các dịp hội làng, đám cưới của bạn bè... Nếu đôi trai gái là người cùng làng thì hai gia đình đã biết nhau không phải dò xét gì nhiều. Nhưng nếu là người ngoài làng, nhà trai phải nhờ người quen biết nhà gái tìm hiểu gia thế

và đức hạnh của cô gái. Nếu ưng thì nhờ người liệu lời manh mối. Nếu nhà gái ưng thuận thì nhà trai nhờ một người gia đình song toàn, nhiều con cháu làm ông mối (*mu nhin*) đến nhà gái đánh tiếng. Trước hôm đến nhà gái, ông mối và một người đi giúp đến ngủ ở nhà người quen cùng làng cô gái. Qua đêm ở đây không thấy điềm gở như: hổ gầm, mang tác, hàng rào đổ... thì sáng hôm sau ông mối mang hai đĩa trầu cau (mỗi đĩa có hai lá trầu và hai quả cau) đến nhà gái. Sau khi ông mối ngỏ lời, nếu nhà gái đồng ý thì trao cho ông một mảnh giấy đỏ trong đó có ghi tên, ngày sinh tháng đẻ của cô gái để nhà trai xem tuổi đôi trai gái có hợp hay không. Nếu hợp tuổi và không có điều gì trắc trở, nhà trai lại nhờ ông mối đến nhà gái xin định ngày ăn hỏi. Lễ này nhằm nhà gái đồng ý và định ngày cưới. Lễ vật thường có: 1 đôi gà thiến, 12 chiếc bánh dày cùng với rượu, chè, trầu cau. Ông trưởng họ nhà gái tuyên bố đồ sinh lễ (thách cưới) bao gồm: tiền: 5,2 nén bạc trắng, thịt lợn: 120 kg, rượu: 120 nậm, đồ trang sức: 2 vòng tay bằng bạc, 1 đôi khuyên bạc hoặc vàng, 1 đôi thắt lưng màu, cau : 120 quả, trầu: 120 lá (đồ thách cưới có thể xê dịch tùy theo sự thương lượng giữa đôi bên nhà trai và nhà gái).

Sau lễ này đôi trai gái thường xuyên qua lại với nhau.

- Lễ cưới: Trước khi làm lễ cưới nhà trai phải mang đến nhà gái 1 con gà thiến, 1 chai rượu, 5 đồng bạc trắng và gạo để khao làng (lễ chào).

Hôm làm lễ cưới, quan lang và một thầy cúng đi cùng để phù phép *bảo hộ* mọi người trong đoàn. Đoàn người này mang theo ngoài gạo, rượu đã kể trên còn phải thêm: 1 đôi gà nhỏ gọi là đôi *phượng*

hoàng đã cắt tiết và làm sạch lông để cúng bà Mụ biết người con gái đã khôn lớn nay đi lấy chồng, 24 chiếc bánh dày to và 2 chiếc bánh nhỏ. Sau khi cúng ma xong, 2 chiếc bánh nhỏ dành cho thầy cúng.

Trước khi cô dâu lên đường về nhà chồng người ta lại thực hiện một nghi thức nhỏ: Biếu bố mẹ cô gái 12 vuông vải trắng và 12 vuông vải đen để trả công nuôi dưỡng cô dâu. Ngoài ra còn biếu 2 nậm rượu (khoảng 1 lít) và một gói bọc giấy đỏ gọi là *ngũ nhạc* trong đó có một đồng bạc trắng, mảnh giấy đỏ gọi là *hồng phôi* ghi giờ lễ tổ, giờ nhà trai đón dâu, hướng xuất hành. Nếu hướng xuất hành không trùng với cửa ra vào thì phải phá vách cho cô dâu đi ra hoặc bắc thang lên sàn phơi để cô dâu đi xuống làm lễ tơ hồng.

Trước đây, hôm làm lễ cưới hai đoàn đưa và đón dâu còn hát đối đáp và chúc tụng nhau<sup>(3)</sup>. Tục này nay không còn thực hiện.

Người ta đón dâu từ lúc gần sáng (từ giờ tí đến giờ mao, khoảng 1 - 5 giờ sáng). Đoàn đưa dâu (bên nhà gái) về nhà chồng phải có một phù dâu (*pá chíp*). Khi cô dâu ra khỏi nhà, người chị gái hay chị dâu (phải là người có chồng con, ăn ở hoà thuận) quàng 3 vuông vải lên vai rồi cũng cô dâu ra cửa đi về nhà chồng (hiện nay cô dâu đặt tay lên vai chị gọi là công lấy lệ).

Trên đường về nhà chồng qua mỗi con nước (sông, suối), quãng đèo... và ngay từ khi ra khỏi cửa, cô dâu đã được thầy cúng phù phép *hộ mệnh*.

Đến nhà trai, quan lang bày một mâm cỗ cúng, trong đó có rượu thịt... và một nhẫn bạc (quan lang cho đôi tân hôn). Sau khi cúng, đôi tân hôn cùng nhau uống một ít rượu và quan lang trao cho mỗi người một chiếc nhẫn, kết thúc lễ tơ hồng.

Trong khi mọi người đang ăn uống thì hai người đại diện nhà gái (một người thay mặt họ nội, một người thay mặt họ ngoại cô dâu) mang chăn màn, quần áo và những thứ cha mẹ cho cô dâu đến giao cho đại diện bên trai. Những người đại diện cho gia đình bên gái cũng như bên trai gọi là *gốc họ* có vai trò tiếp khách. Một người khác là bác hay chú (nhưng không phải là bác hay chú ruột) của chú rể. Một người là bác hay cậu của cô dâu. Hai ông gốc họ bên trai có nhiệm vụ tiếp khách, sắp xếp thứ tự các mâm ăn và chỗ ngồi cho mọi người... Còn hai ông gốc họ bên nhà gái chỉ có nhiệm vụ tiếp đón nhà trai khi họ đến xin dâu. Ngoài hai ông gốc họ nhà trai còn thêm một ông *làm rau (sùi tàu)* trực tiếp giết lợn, điều khiển làm các món ăn và một bà chuyên nấu cơm (*giờ ngài*) và phụ giúp ông *sùi tàu*.

Hai ông gốc họ, ông làm rau, bà nấu cơm, thầy cúng, những người đi đón dâu, phù rể mỗi người được biếu một chân giò lợn hay một miếng thịt. Cô phù dâu, ông mối còn được biếu thêm một con gà mái.

Sau hôm cưới, cô dâu ra suối hoặc ra giếng phải bỏ xuống nước một đồng xu rồi gánh nước về nhà làm cơm. Sau đó cô trở về thăm bố mẹ đẻ (lại mặt - *tâu lời*). Tiếp theo là đôi tân hôn đến thăm nhà quan lang và từ đó nhận vợ chồng quan lang là bố mẹ nuôi. Khi quan lang chết đôi vợ chồng này phải để tang.

### III. Đám tang

Trong gia đình có người chết thì việc đầu tiên người ta phải làm là lau người và thay quần áo mới cho người chết. Người chết nếu là cha mẹ hoặc anh cả được đặt nằm ở gian giữa nhà và theo chiều dọc của cái nóc (các con thứ đặt ngang nhà).

Các con của người quá cố bắt buộc phải đeo võ dao ngang hông, tóc buông xoã rồi đến các gia đình trong làng báo tang và nhờ đến giúp việc. Khi đến đầu sân, người báo tang phải quỳ lạy, gọi tên chủ nhà rồi thông báo cho họ biết là nhà mình có người chết và nhờ đến hộ tang. Họ chỉ báo như vậy, không cần người chủ nhà trả lời. Riêng người con cả có nhiệm vụ phải đến nhà thầy cúng mời tới giúp. Trong trường hợp người chết là thầy cúng thì phải mời thầy cúng có cấp bậc cao hơn hoặc ngang hàng với cấp bậc của người chết, chứ không được thấp hơn. Khi đi mời người con này phải mang theo hương, tới nhà thầy cúng không phải hỏi mà đi thẳng vào nơi đặt bàn thờ thắp hương rồi mới quay ra có lời với thầy đến cúng giúp. Khi đã có người tới mời thầy thì dù thầy có bận việc gì cũng không được từ chối. Khi đến nhà có người chết ông thầy này phải mang theo trang phục thầy cúng, các lễ cụ và đồng thời gọi thêm một số thầy khác giúp việc cho mình.

Khi đến nhà có đám, việc đầu tiên là thầy cúng mở sách xem giờ người chết có trùng với giờ sinh của ai trong gia đình hay không. Nếu trùng với giờ sinh của người nào đó thì người ấy phải tránh mặt trong các lúc như: giờ khâm liệm, mang linh cữu ra khỏi nhà và khi hạ huyệt. Sau đó thầy xem giờ nhập quan và giờ mang linh cữu ra khỏi nhà, giờ hạ huyệt. Những giờ này phải không trùng với giờ sinh của các thành viên trong gia đình. Trong khi thầy cúng xem giờ, những người giúp việc của thầy cúng với gia đình chuẩn bị đồ lễ: cát hoa giấy, dựng cảnh phan. Trước khi khâm liệm, thầy cúng phải tiến hành một lễ cúng. Mâm cỗ cúng gồm có: một bát gạo, một đoạn vải trắng (khoảng năm vuông), một bình rượu, hai cái chén đựng rượu.

Sau khi cúng, đến giờ khâm liệm, các con phải chuẩn bị một đoạn vải dài khoảng bảy vuông (con trai vải trắng, con gái vải đen). Lúc này, quan tài được khiêng lên nhà đặt cạnh nơi nằm của người chết. Trong lòng quan tài lót bằng tiền giấy và tro bếp rồi trải thêm một lớp gôm bảy đoạn phen tranh lợp nhà (mỗi đoạn khoảng 20 cm). Sau đó trải chiếu lên trên rồi đến lượt vải đen của các con gái. Trước khi thi hài nhập quan, người ta cho vào miệng người chết một chiếc nhẫn bạc và một nhúm gạo. Sau khi đã khâm liệm người ta đặt một chiếc gậy tre vào tay bên phải và một túi tiền nhỏ trong đựng 7 hoặc 9 đồng xu (tùy theo người đó là đàn ông hay đàn bà) vào tay bên trái của người quá cố. Người ta cho rằng làm như vậy để người chết có gậy đi về với tổ tiên và có tiền chi dùng trên đường. Sau đó mới phủ vải trắng của các con trai lên trên cùng và xếp thêm xung quanh những quần áo của người chết (trước đây quần áo không cho vào quan mà đem đốt). Sau khi dậy nắp quan thầy cúng mời *tứ soái* về trấn giữ bốn góc quan tài bằng cách treo bốn bức tranh thờ ở bốn góc quan tài rồi dán giấy đỏ và các băng hoa cát bằng giấy xanh đỏ... xung quan quan tài. Trên nắp áo quan thắp năm ngọn nến (bốn ngọn bốn góc và một ngọn ở giữa, tượng trưng cho ngũ hành: kim, mộc, thủy, hỏa, thổ). Một mâm cỗ cúng được đặt phía trước quan tài gồm có: một con gà, một bát cơm, ba chén rượu và ngũ quả. Thầy cúng tiến hành lễ phát tang. Lúc này các con mới mặc đồ tang: con trai đầu đội khăn trắng và mặc áo trắng cổ tròn mở ngực có hai hàng chữ Hán ở ngực và sau lưng: *Hạo phục sàng sần* (*Hiếu phục thượng thân*) và *sáu hạo phộ ân* (*báo hiếu phụ ân*).

Nếu là nữ tang phục, có khăn đội đầu và áo dài đều màu trắng và không viết chữ. Điều đáng chú ý là các con của người chết, ai cũng phải đeo vỏ dao. Người ta làm vậy vì cho rằng: trước đây cha mẹ mình đeo dao đi làm nương, nhưng vẫn tranh thủ về chăm sóc con cái không kịp bỏ vỏ dao ra, nên khi bố mẹ chết các con phải đeo vỏ dao để nhớ công ơn cha mẹ.

Sau khi làm lễ phát tang xong con cháu vào lễ, thắp hương, rót rượu, vái lạy người chết rồi đến lượt bà con hàng xóm thắp hương và chia buồn với tang chủ. Trong khi đó, thầy cúng và ông giúp việc ông ta đọc hai cuốn kinh. Nếu người chết là bố thì đọc kinh *Nhất bản công khổ công*, nếu là mẹ thì đọc kinh *Nhị thập tứ hiếu*. Trường hợp gia đình khá giả thì tiến hành lễ tế *Thọ mai* và lễ *Tam sinh*. Nếu tế thọ mai, em cậu chú và những người thuộc hàng cháu thì phải biếu lễ: một con lợn (khoảng 30 kg), ba, bốn con gà hoặc vịt, cùng tiền, vàng, hương.

Lợn, gà, vịt được luộc chín bày lên mâm. Sau khi chuẩn bị lễ xong, người ta nhờ thầy cúng khấn mời hương hồn người chết về thụ hưởng.

Còn những người trong gia đình có người chết phải biếu lễ: một con lợn khoảng 30 - 40 kg, hai hoặc ba con gà, một hoặc hai con vịt (ngan cũng được), xôi, bánh dầy, một ít lương thực có tính chất tượng trưng, quần áo giấy, vàng, hương...

Sau khi mâm cỗ cúng đã chuẩn bị xong, thầy cúng thắp hương khấn linh hồn người chết về hưởng.

Quan tài thường được để trong nhà từ 3 - 5 ngày (nay không quá hai ngày). Trước khi đưa quan tài ra khỏi nhà, thầy cúng cũng phải xem giờ và đưa ra của

chính theo chiều chân đi trước. Trước khi quan tài đưa ra khỏi nhà thầy cúng hát bài tiễn đưa linh hồn người chết:

*Nhất tống vong nhân trông hướng  
đông*

*Xuất hành như mưa cùng như gió  
Vong nhân hãy đến Minh Vương ốc  
Yêu cây đào lan châu tổ công*

Khi khiêng quan tài ra khỏi nhà thì các con trong gia đình nằm sấp nối nhau đầu hướng vào nhà để quan tài khiêng qua bên trên. Sau ba lượt như vậy thì những người này lại nằm sấp nhưng quay đầu theo hướng đi của quan tài khiêng qua (con gái hoặc con dâu có thai thì không phải nằm như vậy).

Huyệt thường chọn hướng đất theo dòng họ và là hướng thuận (4): đất có độ dốc vừa phải theo triền đồi và đầu ở phía trên cao, chân ở phía thấp. Người ta cho rằng nếu không làm như vậy thì sau này con cháu làm ăn không phát đạt, thậm chí còn lụi bại.

Khi đoàn dẫn vong đến gần huyệt thì thầy cúng phải chạy đến huyệt trước, một tay cầm kiếm, một tay cầm cành lá quét xung quanh miệng huyệt ba vòng thì mới được hạ huyệt. Sau khi mộ đã được đắp xong, thầy cúng làm lễ tống vong và dựng cành phan nối từ đỉnh cành phan xuống tới mộ rồi khấn: *"Đây là nơi đẹp đẽ, đầy đủ lương thực tiện nghi, cấp cho vong hồn để về với tổ tiên"*. Sau đó đoàn người đưa tang quay về. Về tới nhà, thầy cúng một mâm riêng dành cho người chết. Khi thầy cúng ra về, tang chủ biếu một gói xôi, một con gà để thầy cúng thánh sư của mình.

Trong những ngày gia đình có tang, con cháu không được ăn thịt.

Bàn thờ người mới chết phải lập riêng, sau một trăm hai mươi ngày mới được đưa lên nhập vào bàn thờ tổ tiên.

### Chú thích

<sup>1</sup>. Xem *Danh mục các thành phần dân tộc Việt Nam* - Tổng Cục thống kê công bố 2 - 3 - 1979

<sup>2</sup>. Tháng Giêng- kiêng hướng Đông

Tháng Hai - hướng Bắc

Tháng Ba - hướng Tây

Tháng Tư - hướng Nam

Các tháng sau đó cứ kiêng theo thứ tự như trên.

<sup>3</sup>. Khi đoàn đón dâu lên nhà (nhà sà), nhà gái đã chăng sắn ở cửa hai cái dây xanh và đỏ và vòng bạc, ở dưới hai dây lưng này là một cái đĩa đựng tiền (*đánh bẹ*). Người đại diện nhà trai phải lên tiếng hỏi trước:

- *Tại sao có gì đó ngăn đường anh đi?*

Bên nhà gái đáp lại:

- *Không có gì đâu mời anh cứ bước.*

Tiếp theo nhà gái hát những câu đố về trời đất, phong tục... Nếu nhà trai đáp trôi chảy thì thu lấy dây lưng, vòng bạc và đĩa đựng tiền. Đến tối khi hai họ ăn uống nhà gái sẽ chuộc lại những thứ đó bằng hai đĩa trầu.

Nếu nhà trai không đáp được sẽ phải nộp phạt tương đương với số tiền ở trong đĩa của nhà gái.

Trong khi khách và họ hàng tiếp tục ăn bữa thứ hai (bữa chính), bên nhà trai lại hát:

- *Làm mọi việc phải có khởi đầu*

*Như khi vẫn về thơ ca thì phải có làn điệu*

*Như là mở một con đường đi vào nhà*

*Chúng tôi là đại diện của nhà trai*

*Thông gia có trầu cau nhờ chúng tôi phân phát*

*Có gì sai sót xin được bỏ qua*

*Xin phép mọi người được đi vào nhà*

*Để đem lễ vật lên dâng tổ*

Lễ vật dâng tổ là đôi gà tượng trưng cho hai con phượng hoàng bay vào cửa chính thập đại môn.

- *Mời quý vị thông gia cùng xem*

*Phượng hoàng chấp cánh bay vào*

*Anh em chúng tôi đã đến*

*Trong nhà xin thắp đèn sáng lên*

Sau đó nhà trai bắt đầu phân phát trầu cau:

- *Đoàn chúng tôi đi phân phát trầu cau*

*Kính qua các cụ đang uống rượu mặt đỏ hồng*

*Kính qua các ông chú, ông cậu trong họ đang ngồi uống rượu*

*Và miễn thứ thiếu sót cho anh em của đoàn*

Họ nhà trai mang trầu cau đến mời các cụ đang ngồi ăn cỗ

- *Trong bàn có mâm cỗ đựng thịt rỗng*

*Các đôi đũa được làm bằng xương rồng*

*Mỗi bàn có bốn cụ ngồi*

(Trong mâm cỗ xưa kia của người Cao Lan, chỉ có bốn người ngồi tượng trưng cho bốn phương trời).

- *Cám ơn những cháu, những em đến giúp việc*

*Anh em chúng tôi ở xa chẳng có gì làm quà*

*Xin có miếng trầu tặng cô em*

Khi nhà trai phân phát lễ vật tới mọi người, kính tổ, kính họ xong thì xin phép về chỗ ngồi. Sau đó hai bên họ nhà trai và nhà gái ra sân hát "sinh ca", có khi kéo dài suốt đêm.

Sáng hôm sau, chọn giờ đón dâu, nhà gái dọn cỗ mời nhà trai và khách ăn. Ăn xong nhà trai lại vào trong nhà đứng trước các mâm khách hát xin rước dâu. Khi xin đón dâu, nhà trai đến buông cô dâu và hát:

- *Chỗ ở của cô dâu lộng lẫy như cung điện*

*Vào ra thế nào đây?*

Sau nghi thức này, nhà trai lại hát xin ra về và tỏ lòng cảm tạ:

- *Kính thưa quý họ cùng thông gia*

*Rượu chè đã đủ say*

*Xin đa tạ tấm lòng của thông gia*

*Và cảm ơn những người giúp việc*

Cảm ơn anh chị em đã phục vụ cho đoàn rượu trà

<sup>4</sup>. Thí dụ: mộ của những người họ Hoàng, họ Đàm phải theo hướng Nam, Bắc. Mộ của những người họ Ninh, Trần, La phải theo hướng Đông, Tây.